TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **79**/2020/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 13 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Ông **Nguyễn H,** sinh năm: 1967. Trú tại: Tổ 37, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

+ Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1964. Trú tại: Số 119 đương L, tổ 20, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 223/2007, quyển số: 01/2007 cấp ngày 20/9/2007. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại nhà bà B ở địa chỉ: Số 119 đường L, tổ 20, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả, to tiếng với nhau. Vợ chồng ông bà cũng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả dẫn đến đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ông bà sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay. Không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Hùng và bà B lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông Hùng và bà B đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông Hùng và bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Hùng và bà B là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định có 01 con chung là: Nguyễn Thị Vu Đ, sinh ngày: 06/8/1999. Con chung

Nguyễn Thị Vu Đ đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường vì vậy ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008488 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Nguyễn H** và bà **Nguyễn Thị B.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 223/2007, quyển số: 01/2007 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 20/9/2007 không còn giá trị pháp lý).*

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định có 01 con chung là: Nguyễn Thị Vu Đ, sinh ngày: 06/8/1999. Con chung Nguyễn Thị Vu Đ đã trên 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị B thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008488 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TRÂM